

Bản án số: 185/2022/HS-PT
Ngày: 14 - 4 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Mười

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Minh

Ông Nguyễn Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Thân Văn Nhường – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Phước Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 533/2021/TLPT-HS ngày 05 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo Trần Thị Thu T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 21/2021/HS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

Bị cáo có kháng cáo: Trần Thị Thu T, sinh năm 1990; tại Bạc Liêu; Nơi cư trú: ấp V, xã V1, huyện H, tỉnh Bạc Liêu; Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn U, sinh năm 1972 và bà Trần Mười E, sinh năm 1972; bị cáo có chồng tên Trịnh Hoài P, sinh năm 1986 và 03 người con (lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2014); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 14/5/2021 đến nay (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo theo yêu cầu của Tòa án: Luật sư Dương Long H8 – Đoàn luật sư tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

(Những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo, kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2013, Trần Thị Thu T bắt đầu làm chủ hội, mở nhiều dây hội ngày, hội tháng để hưởng tiền hoa hồng và có nhiều người dân trên địa bàn xã V1, huyện H, tỉnh Bạc Liêu tham gia. Trong quá trình làm chủ hội, do có hội viên sau khi hót hội nhưng không đóng hội chết dẫn đến T mất cân đối về tài chính. Từ đó, T nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của hội viên bằng cách mở nhiều dây hội mới có giá từ 100.000 đồng đến 2.000.000 đồng và kêu gọi nhiều người tham gia. Trong từng dây hội, T lấy tên không tham gia chơi hội để hót hội, mạo danh hội viên để hót hội và bán nhiều phần hội không cho nhiều hội viên. Đến tháng 9/2018, T tuyên bố vỡ hội qua đó chiếm đoạt tiền của hội viên như sau:

Hành vi chiếm đoạt tiền của hội viên bằng thủ đoạn lấy tên không tham gia chơi hội để hót hội và mạo danh hội viên hót hội

1. Dây hội 1.000.000 đồng, mở ngày 10/10/2016 (ngày 10/9/2016 âm lịch). Hội có 27 phần, mỗi tháng mở một kỳ, hội mở được 24 kỳ. Có 18 người tham gia 21 phần, T tham gia 01 phần và lấy tên không tham gia 05 phần. Trong dây hội này, T hót 01 phần tham gia, lấy tên không hót 05 phần (N 02 phần, Q, K và H1, mỗi người 01 phần) và mạo danh hội viên hót 02 phần (Nguyễn Ngọc Y và Trương L); hội viên hót 16 phần và nợ tiền đóng hội 23.000.000 đồng. Còn 05 hội viên chưa hót (Nguyễn Ngọc Y, Phùng Thị Anh T1, Trương L, Nguyễn Kiều T2 và Trần Văn K1), mỗi người đã đóng 13.920.000 đồng.

Qua đối trừ số tiền hội viên thực đóng hội sống và số tiền hội viên nợ hội chết T chiếm đoạt tổng số tiền 46.600.000 đồng.

2. Dây hội 2.000.000 đồng, mở ngày 20/5/2017 (ngày 25/4/2017 âm lịch). Hội có 20 phần, mỗi tháng mở một kỳ, hội mở được 16 kỳ. Có 12 người tham gia 15 phần, T tham gia 01 phần và lấy tên không tham gia 04 phần. Trong dây hội này, T hót 01 phần tham gia và lấy tên không hót 04 phần (N1 01 phần, C 02 phần và N 01 phần); hội viên hót 11 phần và nợ tiền đóng hội 48.000.000 đồng. Còn 04 hội viên chưa hót (Sơn Thị T3, Trương L, Phùng Thị Anh T1 và Lê Ánh H1), mỗi người đã đóng 20.800.000 đồng.

Qua đối trừ số tiền hội viên thực đóng hội sống và số tiền hội viên nợ hội chết T chiếm đoạt tổng số tiền 35.200.000 đồng.

3. Dây hội 1.000.000 đồng, mở ngày 16/3/2018 (ngày 30/01/2018 âm lịch). Hội có 43 phần, mỗi tháng mở một kỳ, hội mở được 08 kỳ. Có 17 người tham gia 27 phần, T tham gia 02 phần và lấy tên không tham gia 14 phần. Trong dây hội này, T hót 02 phần tham gia và lấy tên không hót 02 phần (N); hội viên hót 04 phần và nợ tiền đóng hội 35.000.000 đồng. Còn 15 hội viên chưa hót (Trịnh Mỹ X và Lê Thị P1, mỗi người đã đóng 14.400.000 đồng; Hồng Kiều N2, Trần Hồng T3, Trần Ngọc Q và Trương L, mỗi người đã đóng 8.400.000 đồng; Lê Thị D, Ngô Mỹ H2, Phạm Hồng U1, Hàng Thị N3, Lê Văn T4, Trương Thị H2, Nguyễn Thị S, Lê Ánh H1 và Lê Ngọc L1, mỗi người đã đóng 4.200.000 đồng).

Qua đối trừ số tiền hội viên thực đóng hội sống và số tiền hội viên nợ hội chết T chiếm đoạt tổng số tiền 65.200.000 đồng.

4. Dây hội 100.000 đồng, mở ngày 24/4/2018 (ngày 09/3/2018 âm

lịch). Hội có 130 phần, mỗi ngày mở một kỳ, hội mở được 128 kỳ. Có 25 người tham gia 104 phần, T tham gia 02 phần, lấy tên không tham gia 23 phần và tự ghi thêm 01 phần vào hội viên tên Nguyễn Mộng T5. Trong đây hội này, T hót 02 phần mình tham gia, lấy tên không hót 24 phần ((Q1, Số A, mỗi người 05 phần; Tám T6 04 phần; Điều 03 phần; C 02 phần; M, L2, C1, H3 và chế T5, mỗi người 01 phần), mạo danh hội viên hót 02 phần (Phan Thanh V); hội viên hót 100 phần và nợ tiền đóng hội 1.400.000 đồng. Còn 02 hội viên chưa hót (Phùng Thị Anh T1 và Phan Thanh V), mỗi người đã đóng 20.480.000 đồng.

Qua đối trừ số tiền hội viên thực đóng hội sống và số tiền hội viên nợ hội chết, T chiếm đoạt tổng số tiền 39.560.000 đồng.

5. Đây hội 100.000 đồng, mở ngày 25/5/2018 (ngày 11/4/2018 âm lịch). Hội có 125 phần, mỗi ngày mở một kỳ, hội mở được 120 kỳ. Có 22 người tham gia 75 phần, T lấy tên không tham gia 40 phần và tự ghi thêm 05 phần vào tên hội viên Võ Thị Chúc L3, 05 phần vào tên hội viên Hồng Kiều N2. Trong đây hội này, T hót không 50 phần, mạo danh hội viên hót 19 phần; hội viên hót 51 phần và nợ tiền đóng hội 37.700.000 đồng. Còn 07 hội viên chưa hót (Tô Kiều T7 đã đóng 96.000.000 đồng; Tô Thị D1 đã đóng 73.600.000 đồng; Phan Thị L4 đã đóng 19.200.000 đồng; Huỳnh Thị K2, Nguyễn Thuý H3, Dương Thị M1 và Nguyễn Thị L5, mỗi người đã đóng 9.600.000 đồng).

Qua đối trừ số tiền hội viên thực đóng hội sống và số tiền hội viên nợ hội chết, T chiếm đoạt tổng số tiền 189.500.000 đồng.

6. Đây hội 100.000 đồng, mở ngày 15/9/2018 (ngày 06/8/2018 âm lịch). Hội có 20 phần, mỗi ngày mở một kỳ, hội mở được 06 kỳ. Có 06 hội viên tham gia 20 phần. Trong đây hội này, T mạo danh hội viên hót 20 phần. Còn 06 hội viên chưa hót (Tô Thị D1 đã đóng 3.200.000 đồng; Lê Ngọc O và Lê Thị D, mỗi người đã đóng 1.440.000 đồng; Ngô Mỹ H2 đã đóng 960.000 đồng; Phan Thị L4 đã đóng 400.000 đồng và Dương Thị M1 đã đóng 320.000 đồng). Trong đây hội này, T chiếm đoạt tổng số tiền 7.760.000 đồng.

Tổng số tiền Trần Thị Thu T chiếm đoạt của các hội viên trong 06 đây hội nêu trên là 383.820.000 đồng.

Đối với hành vi bán hội không

T đưa thông tin gian dối “có hội viên đang cần tiền nên muốn bán hội”. Từ đó, có nhiều hội viên tin tưởng đưa tiền cho T để mua hội và T chiếm đoạt tiền này của các hội viên, cụ thể:

1. Đây hội 1.000.000 đồng, mở ngày 10/10/2016 (ngày 10/9/2016 âm lịch), T bán cho Sơn Thị T3 01 phần số tiền 17.500.000 đồng.

2. Đây hội 2.000.000 đồng mở ngày 20/5/2017 (ngày 25/4/2017 âm lịch), T bán cho Trần Hồng D2 02 phần số tiền 51.680.000 đồng.

3. Đây hội 100.000 đồng mở ngày 24/4/2018 (ngày 09/3/2018 âm lịch), T bán cho Nguyễn Kiều T2 12 phần số tiền 124.800.000 đồng, bán cho Tô Kiều T7 20 phần hội số tiền 206.000.000 đồng. Tổng số tiền 330.800.000 đồng.

4. Đây hội 100.000 đồng mở ngày 16/8/2018 (ngày 06/7/2018 âm lịch),

T bán cho Nguyễn Kiều T2 31 phần số tiền 302.250.000 đồng, bán cho Nguyễn Bé T8 18 phần số tiền 181.385.000 đồng, bán cho Trần Thị M2 10 phần số tiền 107.000.000 đồng, bán cho Nguyễn Thị N4 08 phần số tiền 80.400.000 đồng và Sơn Thị T3 03 phần 31.500.000 đồng. Tổng số tiền 702.535.000 đồng.

5. Dây hui 100.000 đồng mở ngày 25/5/2018 (ngày 11/4/2018 âm lịch), T bán cho Nguyễn Thị N4 02 phần số tiền 20.600.000 đồng và Nguyễn Bé T8 08 phần số tiền 83.500.000 đồng. Tổng số tiền 104.100.000 đồng.

Qua đó, Trần Thị Thu T đã bán 115 phần hui không trong 05 dây hui nêu trên cho 07 người gồm: Sơn Thị T3 01 phần hui 1.000.000 đồng và 03 phần 100.000 đồng, tổng số tiền 49.000.000 đồng; Trần Hồng D2 02 phần hui 2.000.000 đồng, tổng số tiền 51.680.000 đồng; Nguyễn Kiều T2 43 phần hui 100.000 đồng, tổng số tiền 427.050.000 đồng; Tô Kiều T7 20 phần hui 100.000 đồng, tổng số tiền 206.000.000 đồng; Nguyễn Bé T8 26 phần hui 100.000 đồng, tổng số tiền 264.885.000 đồng; Trần Thị M2 10 phần hui 100.000 đồng, tổng số tiền 107.000.000 đồng và Nguyễn Thị N4 10 phần hui 100.000 đồng, tổng số tiền 101.000.000 đồng. Tổng số tiền T chiếm đoạt của các hui viên 1.206.615.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền T chiếm đoạt của các bị hại thông qua các hình thức nêu trên 1.590.435.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm 21/2021/HS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2021 Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Thị Thu T, phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Thị Thu T 12 (M hai) năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 14/5/2021.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/10/2021 bị cáo Trần Thị Thu T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt vì hoàn cảnh gia đình khó khăn.

Trong phần tranh luận:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Về nội dung: Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo có kháng cáo, kháng cáo trong hạn nên hợp lệ. Tòa án cấp sơ xét xử bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật, đã có xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo. Người kháng cáo không có tình tiết gì mới để làm căn cứ xem xét kháng cáo xin giảm án, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như sau: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình, đã khắc phục được một phần trách nhiệm dân sự đối với những người bị hại là khoảng 445.000.000 đồng và nhiều bị hại có đơn xin giảm án cho bị cáo. Do các hội viên hốt hội nhưng không đóng hội chết dẫn đến bị cáo mất khả năng tài chính, bị cáo trình độ thấp, khả năng nhận thức pháp luật còn hạn chế, hoàn cảnh gia đình có con nhỏ. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, luật sư, bị cáo,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Trong khoảng thời gian từ tháng 10/2016 đến tháng 9/2018, bị cáo Trần Thị Thu T đã lập nhiều dây hội, loại hội 100.000 đồng, 1.000.000 đồng và 2.000.000 đồng rồi kêu gọi nhiều người trên địa bàn xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu tham gia. Trong quá trình giao dịch hội, bị cáo Trần Thị Thu T đã ghi thêm phần hội (hội khổng), bán hội khổng cho nhiều hội viên và lợi dụng việc các hội viên không trực tiếp tham gia mở hội (khui hội) để mạo danh của họ bỏ hội để hốt hội. Qua đó, chiếm đoạt của nhiều hội viên với số tiền 1.590.435.000 đồng.

Với hành vi như đã nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo Trần Thị Thu T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo:

[3.1] Hành vi của bị cáo Trần Thị Thu T là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác mà còn gây bức xúc trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh ở địa phương. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác là vi phạm

pháp luật nhưng vì lợi ích cá nhân bị cáo Trần Thị Thu T đã bất chấp pháp luật, nhiều lần thực hiện hành vi gian dối để chiếm đoạt của nhiều người với tổng số tiền 1.590.435.000 đồng. Do đó, cần thiết phải xử phạt bị cáo mức hình phạt thật nghiêm để đủ sức răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

[3.2] Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Bị cáo đã tác động để người thân khắc phục một phần hậu quả mà bị cáo đã gây ra cho bị hại và thỏa thuận thanh toán cho bị hại với số tiền 445.640.000 đồng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nhiều bị hại ký tên đồng ý xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo đã nhiều lần chiếm đoạt tài sản của bị hại nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội 02 lần trở lên" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Từ đó, mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng là phù hợp, tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo.

[3.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, nhưng không có tình tiết giảm nhẹ mới so với cấp sơ thẩm. Những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà người bào chữa cho bị cáo nêu ra đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét đầy đủ. Do vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ N bản án sơ thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

[6] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

1/Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Trần Thị Thu T; Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 21/2021/HS-ST ngày 28/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên bố bị cáo Trần Thị Thu T, phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Thị Thu T 12 (Mười hai) năm tù. Thời điểm chấp

hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 14/5/2021. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

2/Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Trần Thị Thu T phải chịu 200.000 đồng.

3/Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đắc Minh Nguyễn Văn Minh

Trần Văn Mười